

Số: 51/KH-NTT

Quận 3, ngày 22 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH
Tổ chức kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II
Đánh giá, nghiệm thu và bàn giao kết quả kiểm tra
Năm học 2023 - 2024

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định đánh giá học sinh tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (TT22);

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học (TT27);

Căn cứ văn bản số 3694/GDĐT-TH ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về Hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018 - 2019;

Căn cứ văn bản số 3392/SGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm học 2022 - 2023;

Căn cứ văn bản số 4567/SGDĐT-GDTH ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 352/KH-GDĐT-TH ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023 - 2024;

Thực hiện Công văn số 108/GDĐT-TH ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3 về hướng dẫn kiểm tra đánh giá định kỳ cuối học kỳ II và chuẩn bị tổng kết năm học cấp Tiểu học năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 156/KH-NTT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền về Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023 - 2024,

Trường Tiểu học Nguyễn Thanh Tuyền lập kế hoạch kiểm tra cuối học kỳ II và chuẩn bị tổng kết năm học như sau:

I. YÊU CẦU CHUNG

Việc đánh giá định kỳ cuối năm học cần đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Thực hiện theo quy định tại TT22 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 5;
Thực hiện theo quy định tại TT27 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 1, 2, 3, 4;

- Đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh; coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng; năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan;

- Đánh giá toàn diện học sinh thông qua đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng và một số biểu hiện năng lực, phẩm chất của học sinh theo mục tiêu giáo dục tiểu học;

- Đánh giá thường xuyên bằng nhận xét, đánh giá định kỳ bằng điểm số kết hợp với nhận xét; kết hợp đánh giá của giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, trong đó đánh giá của giáo viên là quan trọng nhất;

- Đánh giá định kỳ kết quả học tập cuối năm học là việc làm bình thường nhằm nắm bắt tình hình học sinh, mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và chuẩn bị cho hoạt động bàn giao, nghiệm thu chất lượng dạy học giữa các khối lớp trong trường tiểu học và giữa trường tiểu học với trường trung học cơ sở;

- Tổ chức thực hiện nghiêm túc, nhưng phải nhẹ nhàng, thân thiện; giáo viên không tạo áp lực cho cha mẹ học sinh và các em học sinh trước khi kiểm tra;

- Làm tốt công tác tổ chức, tuyên truyền thực hiện việc đánh giá định kỳ kết quả học tập của học sinh đến phụ huynh.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức ôn tập

- Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn xây dựng kế hoạch ôn tập cho học sinh và có kế hoạch phụ đạo riêng cho học sinh chưa đáp ứng được các chuẩn kiến thức và kỹ năng; thông báo lịch kiểm tra và những điều kiện tuyển sinh vào lớp 6 đến cha mẹ học sinh, phối hợp cùng gia đình nhằm chuẩn bị các điều kiện học tập thật tốt cho học sinh;

- Tuyệt đối không chạy theo thành tích để đối phó, việc tổ chức ôn tập được thực hiện ngay trên lớp học, không giao bài tập về nhà đối với lớp học 02 buổi/ngày; không soạn đề cương bắt buộc học sinh làm bài, tránh hình thức học sinh học thuộc lòng bài mẫu. Giáo viên cần hướng dẫn học sinh phương pháp tự học, ôn tập, tự rèn luyện bản thân theo đúng chuẩn kiến thức kỹ năng, không gây áp lực tạo không khí căng thẳng, nặng nề cho giáo viên, học sinh và gia đình các em.

2. Việc đánh giá thường xuyên

Thực hiện theo Điều 6 của TT22 (lớp 5) và TT27 (lớp 1, 2, 3, 4).

3. Việc đánh giá định kỳ về học tập

Thực hiện theo Điều 10 của TT22 (lớp 5) và Điều 7 của TT27 (lớp 1, 2, 3, 4).

4. Việc ra đề bài kiểm tra định kỳ cuối năm học các môn học

4.1. Nội dung kiểm tra đánh giá phải đảm bảo các nguyên tắc

- Thực hiện theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT (Điều 7, khoản 1, điểm c) đối với khối lớp 1, 2, 3, 4 và Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, Thông tư 22/2016/TT-

BGDĐT (Điều 10, khoản 2, điểm c) đối với các khối lớp 5; theo đó, Hiệu trưởng chỉ đạo tổ chuyên môn ra đề kiểm tra định kỳ theo phương án: đề kiểm tra sẽ do giáo viên chủ nhiệm soạn, sau đó nộp về cho tổ chuyên môn. Tổ chuyên môn chọn lọc và gửi cho Ban Giám hiệu từ 2 đến 3 đề. Ban Giám hiệu sẽ chịu trách nhiệm duyệt đề và chọn lại 2 đề (1 đề chính thức và 1 đề dự phòng) làm đề kiểm tra cho khối. Đề kiểm tra cuối năm học của các khối lớp được Hiệu trưởng xem xét cẩn thận;

- Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 3694/GDĐT-TH ngày ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về Hướng dẫn đánh giá học sinh cấp Tiểu học kể từ năm học 2018 - 2019;

- Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT, Thông tư số 22/2016/TT-BGDĐT; Bài kiểm tra cuối kỳ được GV sửa lỗi, nhận xét những ưu điểm và góp ý những hạn chế, cho điểm cuối cùng theo thang điểm 10 (mười), không cho điểm 0 (không) và điểm thập phân, đồng thời trả lại cho học sinh theo quy định của các Thông tư;

- Đảm bảo thực hiện đúng các yêu cầu về tổ chức và quản lý hành chính: Có kế hoạch tổ chức kiểm tra định kỳ; có quyết định phân công giáo viên coi, chấm, phân công ra đề, duyệt đề, bảo mật đề; lập biên bản giao nhận đề kiểm tra, bài kiểm tra chất lượng giáo dục nghiêm túc;

- Xây dựng ma trận đề theo quy định; quy trình ra đề, duyệt đề phải thực hiện nghiêm túc, cẩn trọng để đảm bảo tính chính xác, khoa học, đánh giá được kết quả thực chất của học sinh; đảm bảo bám sát theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của từng khối lớp, tỷ lệ kiến thức trong đề được phân bố tương đối như sau:

a. Đối với khối lớp 1, 2, 3 và 4

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại hoặc mô tả được nội dung đã học và áp dụng trực tiếp để giải quyết một số tình huống, vấn đề quen thuộc trong học tập; (~ 50%)

- Mức 2: Kết nối, sắp xếp được một số nội dung đã học để giải quyết vấn đề có nội dung tương tự; (~ 30%)

- Mức 3: Vận dụng các nội dung đã học để giải quyết một số vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập và cuộc sống. (~ 20%)

b. Đối với các khối lớp 5

- Mức 1: Nhận biết, nhắc lại được kiến thức, kỹ năng đã học: 40%;

- Mức 2: Hiểu kiến thức, kỹ năng đã học, trình bày, giải thích được kiến thức theo cách hiểu của cá nhân: 30%;

- Mức 3: Biết vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết những vấn đề quen thuộc, tương tự trong học tập, cuộc sống: 20%;

- Mức 4: Vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết vấn đề mới hoặc đưa ra những phản hồi hợp lý trong học tập, cuộc sống một cách linh hoạt: 10%.

Lưu ý: Khâu in ấn đề kiểm tra định kỳ phải được bảo mật.

4.2. Nội dung và hình thức kiểm tra

4.2.1. Môn Tiếng Việt

- Bám sát các nội dung quy định tại Điều 7, khoản 1, điểm c của Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Điều 10, khoản 2, điểm c của Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT về các mức độ nhận thức cần đạt trong đề kiểm tra;

- Cần chú ý khắc phục những điểm góp ý về đề kiểm tra tại các đợt sinh hoạt chuyên môn trước đây (độ dài đoạn văn đọc thành tiếng, văn bản sử dụng trong bài đọc thầm, tỷ lệ điểm của các câu hỏi trong bài đọc thầm tương ứng với tỷ lệ mức độ nhận thức cần đạt, ...).

a. Về nội dung

Thiết kế đề đánh giá định kỳ theo định hướng tiếp cận năng lực học sinh. Khuyến khích sử dụng văn bản ở ngoài sách giáo khoa cho các nội dung đánh giá. Chú trọng thiết kế câu hỏi, bài tập tạo cơ hội cho học sinh vận dụng kiến thức, kĩ năng được học vào giải quyết vấn đề; hình thức câu hỏi đa dạng; tránh những câu hỏi, bài tập mang tính lý thuyết hoặc có đáp án không tường minh, gây tranh cãi.

b. Về hình thức

Bài đánh giá định kỳ cần được thiết kế khoa học, diễn đạt trong sáng; tránh tách riêng các nội dung thành nhiều bài đánh giá.

c. Về đáp án và biểu điểm

Soạn chi tiết cho từng nội dung đánh giá.

4.2.2. Môn Toán

Thời gian làm bài:

- Lớp 1: 35 phút;
- Lớp 2, 3, 4, 5: 40 phút.

a. Về nội dung

- Số học (khoảng 50%): Củng cố về các vòng số và các phép tính trên các vòng số;
- Đại lượng và đo đại lượng (khoảng 30%): tập trung về các bảng đơn vị đo;
- Yếu tố hình học (khoảng 20%): Xoay quanh các hình trọng tâm trong chương trình đã học;

- Giải toán có lời văn: Tăng cường các bài toán phát triển năng lực, thông qua các tình huống trong thực tế cuộc sống được tích hợp vào trong ba mạch kiến thức trên với mức độ khác nhau, chủ yếu ở mức độ vận dụng. Không ra các dạng toán khó trong chương trình bồi dưỡng học sinh giỏi.

Lưu ý:

- + Lớp 1: Nhìn mô hình điền phép tính;
- + Lớp 2: 1 lời giải và 1 phép tính;

- + Lớp 3: Tối đa 2 lời giải và 2 phép tính;
- + Lớp 4: Tối đa 3 lời giải và 3 phép tính;
- + Lớp 5: Tối đa 4 lời giải và 4 phép tính.

b. Về hình thức

Hình thức kiểm tra: kết hợp trắc nghiệm khách quan và tự luận trong đó trắc nghiệm khoảng 30%, tự luận khoảng 70%.

c. Về đáp án và biểu điểm

Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết. Đối với câu tự luận, căn cứ yêu cầu cần đạt; chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra để chia nhỏ thang điểm ở từng nội dung cho thích hợp;

Thang điểm 10 là thang điểm cho toàn bài, mỗi ý hoặc câu hỏi có thể có giá trị điểm nhỏ nhất là 0,5.

4.2.3. Môn Khoa học, Lịch sử và Địa lý

Thời gian làm kiểm tra: 35 phút.

a. Về nội dung

- Không kiểm tra, đánh giá vào các nội dung, các yêu cầu đã được giảm tải, các bài không dạy hoặc ở bài đọc thêm trong văn bản hướng dẫn điều chỉnh (công văn 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về việc Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông và các nội dung hướng dẫn cụ thể đối với từng môn học);

- Môn Khoa học: Kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I và cuối năm;

- Môn Lịch sử - Địa lý: Kiểm tra định kỳ cuối học kỳ I và cuối năm. Mỗi phân môn chiếm 50% số lượng kiến thức của bài kiểm tra.

b. Về hình thức

Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức: câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan và câu hỏi dạng tự luận. Số lượng câu hỏi không quá 10 câu cho mỗi bài kiểm tra. Đề kiểm tra có cấu trúc như sau:

** Môn Khoa học*

- Câu hỏi trắc nghiệm (6 điểm) khoảng 60% số lượng câu hỏi, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...);

- Câu hỏi tự luận (4 điểm) khoảng 40% số lượng câu hỏi tùy theo đặc trưng bộ môn.

** Môn Lịch sử - Địa lý*

- Phần Lịch sử (5 điểm):

+ Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.

+ Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.

- Phần Địa lý (5 điểm):

- + Câu hỏi trắc nghiệm khoảng 30% số lượng câu hỏi.
- + Câu hỏi tự luận khoảng 20% số lượng câu hỏi.
- Câu hỏi trắc nghiệm gồm cả phần Lịch sử và Địa lý, có đủ các dạng bài tập (trắc nghiệm nhiều lựa chọn, chọn đúng hoặc sai, điền khuyết, viết tiếp vào chỗ trống, đối chiếu cặp đôi, ...);
- Ở mức 4 chỉ sử dụng 1 câu - hoặc nội dung Lịch sử hoặc nội dung Địa lý.

4.2.4. Môn Tin học và Công nghệ

a. Về nội dung

- Đối với môn Tin học lớp 1, 2: Việc tổ chức kiểm tra chỉ nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kỳ của học sinh. Nội dung kiểm tra xoay quanh các năng lực học sinh đã được làm quen;
- Đối với môn Tin học lớp 3, 4: Môn tin học là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kỳ của học sinh. Đề kiểm tra xoay quanh các nội dung học sinh được học, có liên quan đến những vấn đề thực tế, xung quanh cuộc sống của học sinh. Các bài tập thực hành mang tính vừa sức, không đánh đố.
- Đối với môn Tin học lớp 5: Đây là môn học tự chọn trong Chương trình Giáo dục Phổ thông theo Quyết định số 16/2006, do đó tổ chức kiểm tra lấy điểm, kết quả kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kỳ của học sinh (đối với các học sinh có đăng kí học tự chọn môn tin học). Nội dung kiểm tra bám sát kiến thức, kĩ năng học sinh được học trong học kỳ.
- Đối với môn Công nghệ lớp 3, 4: Đây là môn học bắt buộc trong Chương trình Giáo dục Phổ thông 2018, điểm kiểm tra được sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kỳ của học sinh. Đề kiểm tra môn Công nghệ chú trọng đến khả năng vận dụng kiến thức vào xử lý các vấn đề trong thực tế, việc sử dụng các thiết bị công nghệ hằng ngày trong đời thường của học sinh.

b. Về hình thức

** Môn Tin học*

- *Thời gian làm bài kiểm tra:* Bài kiểm tra tin học được tiến hành trong thời gian một tiết học, với 30% thời gian cho bài tập lý thuyết và 70% cho bài tập thực hành.
- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy theo tỉ lệ:
 - + Trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)
 - + Tự luận hoặc bài tập thực hành trên máy (tỉ lệ 50% số điểm)
- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ:
 - + Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20% (đối với lớp 1, 2, 3, 4)
 - + Mức 1: 40%, mức 2: 30%, mức 3: 20%, mức 4: 10%, (đối với lớp 5)

- *Đánh giá:* Kết quả kiểm tra là kết quả tổng cộng từ hai phần lý thuyết và thực hành với tỉ lệ 50% lý thuyết và 50% thực hành.

* *Môn Công nghệ (lớp 3, 4)*

- Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức câu hỏi trắc nghiệm khách quan và tự luận hoặc sản phẩm dự án theo tỉ lệ:

+ Các câu hỏi trắc nghiệm (tỉ lệ 50% số điểm)

+ Các câu hỏi tự luận hoặc sản phẩm dự án (tỉ lệ 50% số điểm)

- Tỉ lệ khuyến nghị mức độ: Mức 1: 50%, mức 2: 30%, mức 3: 20%

4.2.5. Môn Tiếng Anh

a. Về nội dung

- Chỉ thực hiện việc kiểm tra định kỳ đối với môn Tiếng Anh ở khối lớp 3, 4 và 5. Đối với khối lớp 1 và 2, chỉ tổ chức kiểm tra nhằm mục đích theo dõi sự tiến bộ của học sinh, kết quả không sử dụng để đánh giá kết quả học tập trong học kỳ của học sinh.

- Việc đánh giá hoạt động học tập của học sinh phải bám sát mục tiêu và nội dung dạy học của Chương trình, dựa trên yêu cầu cần đạt đối với các kỹ năng giao tiếp ở từng cấp lớp, hướng tới việc giúp học sinh đạt được các bậc quy định về năng lực giao tiếp khi kết thúc các cấp tiểu học.

- Nội dung đề kiểm tra cần đáp ứng theo yêu cầu của khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Bộ GDĐT và tiệm cận với các chuẩn đánh giá quốc tế (Cambridge hoặc TOEFL Primary);

- Bám sát theo công văn số 2618/GDĐT-TH ngày 09 tháng 8 năm 2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo về “Hướng dẫn chuyên môn tiếng Anh cấp Tiểu học năm học 2016 - 2017”;

- Đề kiểm tra được soạn trên ngữ liệu của sách *Family and Friends*

b. Về hình thức

Kiểm tra 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc và viết. Cụ thể:

- Thời lượng cho kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết là 35 phút.

- Thời lượng cho kiểm tra kỹ năng nói khoảng tối đa 3 phút/học sinh.

c. Về đáp án và biểu điểm

- Xây dựng đáp án, biểu điểm, hướng dẫn chấm chi tiết; đặc biệt với kỹ năng nói. Thang điểm 10 là thang điểm cho mỗi kỹ năng (có thể cho điểm lẻ 0,5 cho mỗi kỹ năng);

- *Đánh giá:* Kết quả kiểm tra là kết quả trung bình cộng đã làm tròn số từ 04 kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết.

5. Tổ chức coi, chấm kiểm tra

Thực hiện đánh giá và nhận xét theo quy định tại TT22 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 5; Thực hiện theo quy định tại TT27 của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với lớp 1, 2, 3 và 4.

5.1. Tổ chức coi kiểm tra

- *Đối với khối 1, 2, 3, 4:* Thành lập Hội đồng kiểm tra, tổ chức thực hiện và báo cáo về Phòng GDĐT Quận 3; giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp, giáo viên sẽ nhận lớp vào năm học tiếp theo cùng tham gia coi kiểm tra;

- *Đối với khối 5:* Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp và giáo viên lớp khác khối cùng tham gia coi kiểm tra;

- Tiến hành phân công giáo viên coi kiểm tra theo tiêu chí: Giáo viên chủ nhiệm lớp làm giáo viên coi kiểm tra 2 và giáo viên lớp trên làm giáo viên coi kiểm tra 1 (riêng với khối lớp 5 thì giáo viên coi kiểm tra 1 sẽ là giáo viên lớp khác khối).

5.2. Tổ chức chấm kiểm tra

- *Các khối 1, 2, 3, 4:* Giáo viên chủ nhiệm làm giáo viên chấm 2 và giáo viên cùng khối là giáo viên chấm 1. Sau khi hoàn thành việc chấm bài thì giáo viên nhận bàn giao chất lượng làm giáo viên chấm 1 (thẩm định);

- *Đối với khối 5:* Hội đồng kiểm tra của trường tổ chức chấm bài kiểm tra của học sinh như sau:

+ Giáo viên chủ nhiệm làm giáo viên chấm 2 và giáo viên cùng khối là giáo viên chấm 1;

+ Thành viên Hội đồng là giáo viên Ngữ văn và Toán Trung học cơ sở chỉ chấm thẩm định theo xác suất 10% trên tổng số bài kiểm tra ở mỗi môn Tiếng Việt, Toán. Nếu điểm chấm thẩm định có sai lệch với giám khảo lớp 5 thì báo cáo Chủ tịch Hội đồng quyết định;

+ Trường hợp có vấn đề bất thường thì báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng để xem xét, đề xuất hướng xử lý thích hợp và báo cáo cho Ban Chỉ đạo Kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo quyết định.

- Giáo viên không được tùy tiện nâng điểm, hạ điểm khi chấm bài làm của học sinh;

- Phần hướng dẫn chấm phải rõ ràng và có đáp án chính xác.

6. Việc đánh giá định kỳ về năng lực, phẩm chất

Tổ chức thực hiện theo hướng dẫn tại phần IV - Mục 6. Đánh giá học sinh (Công văn số 3392/SGDĐT-GDTH ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh)

7. Đối với học sinh khuyết tật và học sinh học ở các lớp học linh hoạt

Được đánh giá theo Điều 12 của TT 22 (lớp 5) và Điều 8 của TT 27 (lớp 1, 2, 3, 4).

8. Xét hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học

Thực hiện đúng các điều kiện theo Điều 14 của TT 22 (lớp 5) và Điều 11 của TT 27 (lớp 1, 2, 3, 4): Hiệu trưởng đảm bảo việc xem xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp của học sinh một cách chính xác, đúng trình độ của học sinh.

9. Đối với học sinh chưa được xác nhận hoàn thành chương trình lớp học, chương trình tiểu học

Thực hiện theo mục b, mục c, Khoản 1, Điều 14 của TT 22 và mục b, mục c, Khoản 1, Điều 11 của TT 27 như sau:

- Giáo viên lập danh sách, xây dựng kế hoạch phụ đạo phù hợp với từng đối tượng học sinh và trình lãnh đạo phê duyệt;
- Căn cứ vào kết quả cuối năm, giáo viên trực tiếp rèn luyện, hướng dẫn, giúp đỡ học sinh;
- Sau thời gian học sinh được rèn luyện, hướng dẫn, giúp đỡ, giáo viên báo cáo tình hình và xin ý kiến lãnh đạo để nhà trường tổ chức tổ chức kiểm tra đánh giá bổ sung cho học sinh và xét hoàn thành chương trình lớp học;
- Căn cứ vào kết quả kiểm tra, giáo viên lập danh sách báo cáo lãnh đạo xét, quyết định việc lên lớp hoặc ở lại lớp.

Thời gian kiểm tra bổ sung

Dự kiến từ 22/7/2024 đến 02/8/2024 (các lớp 1, 2, 3, 4).

III. ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO KẾT QUẢ KIỂM TRA

Hiệu trưởng thành lập Hội đồng kiểm tra đánh giá, nghiệm thu và bàn giao chất lượng giáo dục học sinh cuối năm của trường, báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Giáo dục và Đào tạo;

1. Đối với Khối 1, 2, 3, 4

Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm, giáo viên cùng dạy trong lớp trao đổi với giáo viên sẽ nhận học sinh vào năm học tiếp theo về những nét nổi bật hoặc hạn chế của học sinh, bàn giao hồ sơ đánh giá học sinh theo quy định tại Điều 10 của TT 27 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Đối với khối 5

- Phòng Giáo dục và Đào tạo sẽ ban hành Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo kiểm tra cấp quận để hướng dẫn, chỉ đạo cho các đơn vị và phân công cán bộ, giáo viên trường trung học cơ sở tham gia Hội đồng kiểm tra đánh giá, nghiệm thu và bàn giao chất lượng học sinh lớp 5 của các trường tiểu học; Thành lập Hội đồng kiểm tra đánh giá, nghiệm thu và bàn giao chất lượng giáo dục học sinh lớp 5 của trường tiểu học với thành phần như sau:

- + Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng trường Tiểu học;
- + Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học;
- + Phó chủ tịch hội đồng là Phó Hiệu trưởng trường trung học cơ sở, các ủy viên là giáo viên Ngữ văn, Toán Trường Trung học cơ sở.

Hiệu trưởng lập danh sách đề nghị cán bộ quản lý, giáo viên tham gia Hội đồng coi, chấm kiểm tra định kì cuối học kì II môn Tiếng Việt và Toán lớp 5; Phòng Giáo dục và Đào tạo sẽ ra quyết định thành lập, bao gồm:

- + Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng coi, chấm kiểm tra;
- + 01 Phó Hiệu trưởng là Phó Chủ tịch Hội đồng;
- + Giáo viên coi là giáo viên các khối lớp 1, 2 hoặc 3;
- + Giáo viên chấm là giáo viên khối lớp 5.

- Hiệu trưởng lập danh sách đề nghị cán bộ quản lý, giáo viên tham gia Hội đồng xét học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học (HTCTTH) để Phòng Giáo dục và Đào tạo ra quyết định.

IV. THỜI GIAN KIỂM TRA

- **Khối 1, 2, 3, 4:** tổ chức kiểm tra tuần 33 và tuần 34.
- **Khối 5:** tổ chức kiểm tra tuần 33 và tuần 34, riêng lịch KTĐK cuối HKII môn Tiếng Việt và môn Toán lớp 5 cụ thể như sau:
- + **Thứ Ba: 14/5/2024:** Kiểm tra môn Tiếng Việt. (theo giờ toàn Quận)
- + **Thứ Tư: 15/5/2024:** Kiểm tra môn Toán. (theo giờ toàn Quận)
- Lịch kiểm tra cụ thể như sau:

TUẦN	THỜI GIAN		NỘI DUNG KIỂM TRA
Tuần 33	Thứ hai 06/5/2024	8g10'	Kiểm tra Công nghệ lớp 3
		9g20'	Kiểm tra Tiếng Anh lớp 5 (viết, nghe, đọc) Kiểm tra Công nghệ lớp 4
	Thứ ba 07/5/2024	7g30'	Kiểm tra Tiếng Anh lớp 3 (viết, nghe, đọc) Kiểm tra Khoa học lớp 4
		8g20'	Kiểm tra Khoa học lớp 5
	Thứ tư 08/5/2024	7g30'	Kiểm tra Toán lớp 1, lớp 3 Kiểm tra Lịch sử - Địa lý lớp 5
		8g20'	Kiểm tra Tiếng Anh lớp 4 (viết, nghe, đọc)
	Thứ năm 09/5/2024	7g30'	Kiểm tra Tiếng Việt lớp 1, lớp 3 Kiểm tra Lịch sử - Địa lý lớp 4
	Thứ sáu 10/5/2024	7g30'	Kiểm tra Tiếng Việt lớp 2, lớp 4 Kiểm tra Tiếng Anh lớp 3 (nói)
Tuần 34	Thứ hai 13/5/2024	8g10'	Kiểm tra Toán lớp 2, lớp 4
		10g30'	Họp (công tác chuẩn bị KT lớp 5)
		14g00'	Kiểm tra Tiếng Anh lớp 5 (nói)
	Thứ ba 14/5/2024	7g45'	Kiểm tra Tiếng Việt lớp 5
		14g00'	Kiểm tra Tiếng Anh lớp 4 (nói)
	Thứ tư 15/5/2024	7g45'	Kiểm tra Toán lớp 5
Kiểm tra Môn Tin học Khối 2, 3, 4, 5 từ ngày 06/5/2024 đến ngày 15/5/2024 theo TKB			

Kế hoạch tổ chức kiểm tra cuối Học kỳ II được thông qua Hội đồng Sư phạm nhà trường và được thông báo lịch kiểm tra đến phụ huynh học sinh./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT Q3;
- Phó Hiệu trưởng;
- Tổ trưởng CM;
- Trang TTĐT;
- Lưu: VT, CM.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hoàng Lâm